

Bản án số: 287/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2020

V/v tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thanh;

2. Ông Nguyễn Văn Khoa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang:
Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1985.**

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Anh Huỳnh Trần Thanh P, sinh năm 1981.**

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình giải quyết chị T có trình bày:*

Chị và anh P chung sống với nhau từ năm 2007 do quen biết, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước ngày 05/3/2007. Quá trình chung sống hạnh P, nhưng đến năm 2010 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do đó hai anh chị thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn trầm trọng, anh P còn đánh chị. Đến

năm 2019 anh P đã bỏ đi, hai anh chị ly thân từ đó đến nay. Do đó, chị xác định không còn tình cảm với anh P, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị xin ly hôn với anh P.

Quá trình chung sống, anh chị có một con chung tên Huỳnh Thiên N, sinh ngày 09/5/2009. Hiện nay cháu N đang sống với chị T, chị T yêu cầu tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm khác.

* Bị đơn anh Huỳnh Trần Thanh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, chị Nguyễn Thị Kim T có đơn xin vắng mặt, anh Huỳnh Trần Thanh P được Tòa án triệu tập hợp lệ Nều lần để dự phiên tòa, nhưng anh vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là: “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*” cần được xem xét, giải quyết theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P cưới nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 05/3/2007, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, anh chị tiến đến hôn nhân là do tự nguyện. Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị sống chung không hòa hợp và mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh P không đến Tòa để trình bày ý kiến. Anh P cũng không gửi cho Tòa án bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị T. Điều này cho thấy rằng, anh P không quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, theo biên bản xác minh thì anh P và chị T đã không còn sống chung, anh Phú đã bỏ về quê ở Bình Phước. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa chị T và anh P không còn quan tâm lẫn nhau, hôn nhân của chị T và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Chị T và anh P có một con chung tên một con chung tên Huỳnh Thiên N, sinh ngày 09/5/2009. Hiện nay cháu N đang sống với chị T, chị T yêu cầu tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu N đang sống với chị T đã ổn định trong việc sinh hoạt cũng như việc học tập, đồng thời theo nguyện vọng cháu

muốn sống chung với chị T, mặc dù anh P không có ý kiến gì nhưng Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T chưa có yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị T yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Huỳnh Trần Thanh P.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thiên N, sinh ngày 09/5/2009.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Chị T cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh P thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016425 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị T đã nộp xong án phí.

Anh P không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh P được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Phan Thị Kiều Oanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Dung – Thạch Tân Dân

Phan Thị Kiều Oanh

